TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2017
V/v tranh chấp "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thị Thúy Duy**
Ông **Khưu Bình Trí**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Kha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B,** sinh năm: 1966.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1966.

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà B có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 31/5/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của bà Nguyễn Thị B trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Văn T là do tự tìm hiểu, sau đó được cha mẹ hai bên đồng ý cho sống chung từ năm 2007, không có tổ chức đám cưới, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2008 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T chỉ lo rượu chè không chăm lo cuộc sống gia đình. Ngày 06/5/2017 ông T tiếp tục uống rượu và chửi bà. Do không đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu không công nhận bà và ông T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 03/5/2008. Hiện cháu L đang được bà nuôi dạy. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T tự thỏa thuận.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà B, ông và bà B không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông và bà B không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Nay ông đồng ý theo yêu cầu của bà B là không công nhận ông và bà B là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông xác định có 01 con chung như lời bà B trình bày. Hiện cháu L đang sống với bà B. Khi ly hôn ông đồng ý để bà B tiếp tục nuôi con chung, ông xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về chứng cứ: Các đương sự cung cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 139 ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã Q, giấy chứng minh nhân dân của bà B, ông T, giấy khai sinh của cháu L, sổ hộ khẩu do bà B làm chủ hộ.

Do không đăng ký kết hôn Tòa án không hòa giải về mặt tình cảm.

Tại phiên tòa: Bà B giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Riên ông T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông T.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Do bà B và ông T không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận bà B và ông T là vợ chồng theo Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu bà B được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 03/5/2008. Công nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng bà B.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc ông T vắng mặt tại

phiên tòa là không vi phạm pháp luật nên HĐXX tiền hành xét xử vắng mặt ông T theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý cho sống chung từ năm 2007; lẽ ra quan hệ hôn nhân giữa ông T , bà B được công nhận nhưng hai bên đều trình bày từ trước tới nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Việc trình bày của hai bên phù hợp với giấy xác nhận Ủy ban nhân dân xã Q ngày 25/5/2017 do đó không được xem là hôn nhân hợp pháp, mà nghĩ nên áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình tuyên: Không công nhận bà B, ông T là quan hệ vợ chồng.

3. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 03/5/2008 hiệ bà B nuôi dạy. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu L, cháu L có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là bà B, ông T cũng đồng ý để bà B tiếp tục nuôi dạy con chung. HĐXX công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa các bên.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

HĐXX cũng giải thích cho bà B, ông T biết: Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà B và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

5. Về án phí: Bà B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sơ thẩm về hôn nhân. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dạy con chung Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 03/5/2008. Công nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011105 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà B đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/7/2017) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với ông T được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSH;
- THAH;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu vp;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Mai Việt Quốc